

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và đính chính Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm 2021-2025 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại các Văn bản số 2928/UBND-TNMT ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Văn bản số 3266/UBND-TNMT ngày 26 tháng 7 năm 2023; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4006/TTr-STNMT ngày 15 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cập nhật, bổ sung công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và đính chính Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, cụ thể:

1. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất năm kế hoạch 2023:

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	KHSD đất được phê duyệt tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SD đất năm 2023	
				Diện tích	So với diện tích tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		7.918,79	7.918,79	
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.926,56	2.926,38	-0,18
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.249,96	1.249,84	-0,12
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.249,48</i>	<i>1.249,36</i>	<i>-0,12</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	728,04	728,04	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	873,8	873,80	
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	65,62	65,62	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,14	9,08	-0,06
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.941,23	4.941,41	0,18
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2.183,19	2.183,34	0,15
2.2	Đất an ninh	CAN	25,49	25,49	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	77,99	77,99	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	26,55	26,55	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	90,62	90,62	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	78,11	78,11	
2.7	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	19,36	19,36	
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1017,9	1.017,93	0,03
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>617,94</i>	<i>617,92</i>	<i>-0,02</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>137,39</i>	<i>137,38</i>	<i>-0,01</i>
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>16,45</i>	<i>16,45</i>	
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>22,21</i>	<i>22,21</i>	
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>68,99</i>	<i>69,05</i>	<i>0,06</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>15,87</i>	<i>15,87</i>	

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	KHSD đất được phê duyệt tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SD đất năm 2023	
				Diện tích	So với diện tích tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,36	0,36	
-	Đất công trình bưu chính viễn, thông	DBV	1,49	1,49	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	10,07	10,07	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,2	0,20	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	24,37	24,37	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	89,84	89,84	
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	1,91	1,91	
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	0,61	0,61	
-	Đất chợ	DCH	10,2	10,20	
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,37	2,37	
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	51,01	51,01	
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	87,24	87,24	
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	967,39	967,39	
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,62	23,62	
2.14	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,67	6,67	
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,69	8,69	
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	241,37	241,37	
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	25,45	25,45	
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,21	8,21	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	51,00	51,00	

2. Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích CMD SD đất được phê duyệt tại quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch CMD SD đất năm 2023	
				Diện tích CMD	So với diện tích tại quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	246,57	246,75	0,18
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	43,79	43,91	0,12
	Tr. đó: đất chuyên lúa nước	LUC/PNN	43,79	43,91	0,12
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	141,22	141,22	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	55,20	55,20	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	6,33	6,33	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,03	0,09	0,06
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		9,76	9,76	-

2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	9,76	9,76	-
3.	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,16	3,16	-

3. Điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất trong năm kế hoạch 2023:

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích thu hồi đất được phê duyệt tại quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thu hồi đất năm 2023	
				Diện tích	So với diện tích tại quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Tổng cộng		199,37	199,43	0,06
1	Đất nông nghiệp	NNP	192,05	192,11	0,06
1.1	Đất trồng lúa	LUA	29,51	29,51	-
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	29,51	29,51	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	118,13	118,13	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	44,07	44,07	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,31	0,31	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,03	0,09	0,06
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7,32	7,32	-
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1,99	1,99	-
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,21	0,21	-
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	5,12	5,12	-

4. Bổ sung Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023:

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch (ha)	DT đã TH, CMD SD đất (ha)	Tăng thêm (Thu hồi đất, CMD SD đất ... năm 2023)					Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất				
					LUA	RDD	RPH	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Dự án Hệ thống đèn đêm sân bay Thành Sơn	0,1436	0,1436						P. Đô Vinh

2	Trường Mẫu giáo Vàng Anh (cơ sở Tân Sơn 2)	0,06		0,06				0,06	Xã Thành Hải
3	Cửa hàng Xăng dầu Phước Mỹ	0,064	0,064						P. Phước Mỹ

5. Đính chính Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ghi chú tên dự án Trung Tâm Dịch vụ Du lịch Hải Long): Đính chính vị trí ghi chú tên dự án Trung Tâm Dịch vụ Du lịch Hải Long tại Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 (*cụ thể tại Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được đính chính, bổ sung gửi kèm theo*).

6. Báo cáo thuyết minh tổng hợp, kèm theo Quyết định này.

7. Các nội dung khác tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng năm 2023 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm không thay đổi.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật.
2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành lĩnh vực có liên quan tuân thủ đúng quy định pháp luật.
3. Định kỳ hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT HĐND TP. PRTC;
- VPUB: CVP, các PCVP, CV;
- Lưu: VT, KTTH. KHH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền